

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI G-LINK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI G-LINK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: G-LINK IMPORT-EXPORT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: G-LINK IET., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110223552

3. Ngày thành lập: 05/01/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1/32/39 Phố Lụa, TDP Hạnh Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912340660

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4610
6.	Bán buôn thực phẩm Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4632

7.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Phân phối rượu - Kinh doanh rượu - Bán buôn bia Loại trừ hoạt động nhà nước cấm	4633
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Loại trừ hoạt động kinh doanh được Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4659(Chính)
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4669
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
14.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. Loại trừ hoạt động dạy về tôn giáo, hoạt động các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể	8559
15.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Loại trừ: Hoạt động tư vấn du học	8560
16.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
17.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
18.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
19.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
20.	Lập trình máy vi tính Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	6201
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm	6202

22.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm	6209
23.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm	6311
24.	Cổng thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)	6312
25.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
26.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ kiến trúc - Tư vấn thiết kế phòng chống môi	7110
27.	Quảng cáo Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	7310
28.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	7320
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất	7410
30.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về chuyển giao công nghệ; Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập Loại trừ hoạt động thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, hoạt động tư vấn chứng khoán	7490
31.	Bán buôn tổng hợp Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4690
32.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
33.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Không hoạt động tại trụ sở)	1621
34.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Không hoạt động tại trụ sở)	1622
35.	Sản xuất bao bì bằng gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	1623
36.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Không hoạt động tại trụ sở)	1629

37.	In ấn Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động in ấn bao bì	1811
38.	Dịch vụ liên quan đến in Loại trừ hoạt động nhà nước cấm	1812
39.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
40.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: - Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất	2512
41.	Sản xuất linh kiện điện tử Loại trừ hoạt động nhà nước cấm	2610
42.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Loại trừ hoạt động nhà nước cấm	2620
43.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
44.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
45.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
46.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
47.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
48.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
49.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
50.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Loại trừ: Kinh doanh đồ uống có cồn và kinh doanh thuốc lá, thuốc láo	4781
52.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4791
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác	4933
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Loại trừ: Hoạt động liên quan đến cảng hàng không	5210
55.	Bốc xếp hàng hóa	5224
56.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5610
58.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

59.	Dịch vụ ăn uống khác Loại trừ hoạt động nhà nước cấm (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát, karaoke, vũ trường)	5629
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5630
61.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
62.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	7730
63.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải	8020
64.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
65.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
66.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Không hoạt động tại trụ sở chính)	3100
67.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
68.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	3311
69.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
70.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
71.	Tái chế phế liệu (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	3830
72.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Loại trừ các hoạt động nhà nước cấm	3900
73.	Xây dựng nhà để ở	4101
74.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
75.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
76.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
77.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
78.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
79.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
80.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312

81.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
82.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4741
83.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
84.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 400.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM TÙNG LINH	Khu phố Thống Nhất, Thị trấn Hàng Trám, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	176.000	1.760.000.000	44,000	017093004180	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	176.000	1.760.000.000	44,000		

2	NGUYỄN QUÝ THÀNH	Xóm cầu, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	10,000	0010850349 90	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	10,000		
3	NGUYỄN THÀNH LỢI	Đô thị Văn Quán Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	184.000	1.840.000.000	46,000	0010850470 75	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	184.000	1.840.000.000	46,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH LỢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085047075

Ngày cấp: 12/04/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Đô thị Văn Quán Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đô thị Văn Quán Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội